

Số: 28/2020/QĐST-HNGĐ.

T, ngày 06 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Ông Trần Phương N, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Số 46/5/22A đường T, Phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Số 46/5/22A đường T, phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Trần Phương N và bà Nguyễn Thị Thanh T tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 1, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Long An vào ngày 19/5/1999, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Tại phiên hòa giải ngày 27 tháng 02 năm 2020, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phương N và bà Nguyễn Thị Thanh T tự nguyện thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Ông Trần Phương N và bà Nguyễn Thị Thanh T có 01 con chung tên Trần Thị Nguyệt M sinh ngày 27/5/2000 (đã trưởng thành).
- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về các vấn đề khác: không yêu cầu.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Phương N và bà Nguyễn Thị Thanh T thống nhất ông N, bà T cùng chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển số tiền tạm ứng lệ phí ông N, bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004273 ngày 18 tháng 2 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T sang lệ phí, các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh LA;
- VKSND TPT;
- Chi cục THADS tp. T;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm Hằng